TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07/02/2018
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hươn.
2. Ông Nguyễn Ngọc Giang San.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Thị Thùy Linh,Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Đồng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 2 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L xét xử công khai vụ án thụ lý số 513/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Văn T1, sinh năm 1990 (có mặt)
Trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện Đ, Thái Bình.
- Bị đơn: Chị Lê Thị Thiên T2, sinh năm 1988 (có mặt)
Trú tại: Tổ 1, ấp 3, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 07 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Vũ Văn T1 trình bày:

Anh và chị T2 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống và kinh tế gia đình khó khăn. Từ tháng 7 năm 2014 vợ chồng sống ly thân đến nay, chị T2 sinh sống tại ấp 3 xã P,

anh về quê T sinh sống, vợ chồng không gặp nhau để bàn bạc đoàn tụ. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn.

Con chung: có 01 cháu Vũ Thu P sinh ngày 11/11/2012. Từ tháng 7/2014 anh đưa cháu P về sống chung tại thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến nay. Hiện nay anh đang làm nghề buôn bán vật liệu xây dựng và kinh doanh mắt kính thu nhập hàng tháng từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, ở chung cùng bố mẹ ruột nên có điều kiện đầy đủ để nuôi dưỡng cháu P tốt. Anh nuôi con không yêu cầu chi T2 cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại phiên tòa bị đơn chị Lê Thị Thiên T2 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T1 xây dựng gia đình với nhau vào năm 2011 đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T do cả hai đều tự nguyện.

Vợ chồng chung sống không có hạnh phúc do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp nhau, tháng 8/2013 chị về nhà cha mẹ ruột sống sau đó về gia đình chồng ở một thời gian ngắn nhưng vợ chồng vẫn không hòa hợp nên từ tháng 8/2014 vợ chồng sống ly thân nhau đến nay.

Chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý thuận tình ly hôn với anh T1.

Về con chung có 01 con tên Vũ Thu P, sinh ngày 11/11/2012 hiện đang sống với anh T1 và bố mẹ anh ở quê, cháu có được nuôi dạy tốt hay không chị không biết do từ tháng 8/2016 đến nay chị không về quê thăm con vì ở xa, mỗi khi chị gọi điện thoại về cháu lại nói xấu mẹ. Chị là mẹ nên chăm sóc con sẽ tốt hơn, chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu P. Hiện nay chị làm nhân viên kinh doanh cho Công ty tư nhân ở Vũng Tàu thu nhập mỗi tháng 8.500.000đ đủ khả năng nuôi con không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L:

Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, việc thu thập chứng cứ thực hiện đúng theo điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng trình tự theo các Điều 222 đến 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định các Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định Điều 70,72 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn anh Vũ Văn T1, xử cho anh T1 được ly hôn chị T2. Về con chung: giao cháu Vũ Thu P sinh ngày 11/11/2012 cho anh T1 nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Tạm thời chị T2 không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp và tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị T2 không đến Tòa làm việc.

Tại phiên tòa chị T2 có mặt không cung cấp thêm chứng cứ mới đề nghị Tòa tiếp tục xét xử.

[2]. Về đường lối giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T1 và chị T2 tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2011 đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai (giấy chứng nhận kết hôn số 83, quyển số 01/2012 ngày 22 tháng 8 năm 2012) nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Anh T1 xin ly hôn chị T2 cũng đồng ý thuận tình, Hội đồng xét xử đã tiến hành hòa giải cho các đương sự trở về đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng kết quả không thành cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa giải quyết cho họ được thuận tình ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T2 và anh T1 đã trầm trọng, tự sống ly thân từ tháng 8/2014 đến nay không bàn bạc đoàn tụ nên cần căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh T1 và chị T2.

-Về con chung: Có một cháu Vũ Thu P, sinh ngày 11/11/2012. Anh T1, chị T2 đều tranh chấp việc nuôi con sau ly hôn.

Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân tháng 8/2014 đến nay anh T1 đưa cháu P về quê sinh sống với ông bà nội, cháu P được anh T1 chăm sóc tốt cuộc sống của cháu đã ổn định nên cần căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam giao cháu P cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh T1 nuôi con không yêu cầu chị T2 cấp dưỡng nên không xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

[5] Về án phí: Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản

lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân : Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Văn T1 và chị Lê Thị Thiên T2.

- Về con chung: Giao cháu Vũ Thu P, sinh ngày 11/11/2012 cho anh Vũ Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời chị Lê Thị Thiên T2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Lê Thị Thiên T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung; nợ chung: không xét.

2. Về án phí: Anh Vũ Văn T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 006659 ngày 24/7/2017 của Chi cục thi hành án huyện Long Thành. Anh T1 đã nộp đủ án phí.

3. Anh Vũ Văn T1 và chị Lê Thị Thiên T2 được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :
- CCTHADS H. Long Thành;
- VKSND H. Long Thành;
- UBND X.Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phụng